

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt vị trí việc làm của Trung tâm Giống vật nuôi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ; phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ; phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình;

Xét Tờ trình số 44/TTr-TTGVN ngày 12/4/2024 của Trung tâm Giống vật nuôi về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm (có Đề án kèm theo); theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu, khung năng lực và bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm tương ứng của Trung tâm Giống vật nuôi (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Giống vật nuôi có trách nhiệm:

1. Căn cứ vị trí việc làm được phê duyệt, biên chế sự nghiệp được giao hàng năm để bố trí số lượng người làm việc phù hợp vị trí việc làm; rà soát, bố trí, sử dụng, quản lý biên chế viên chức, người lao động gắn với lộ trình tinh giản biên chế đảm bảo quy định.

2. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức để đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng theo vị trí việc làm đảm bảo quy định hiện hành.

3. Tổng hợp, báo cáo, đề nghị điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp và các nội dung có liên quan để đảm bảo phù hợp với sắp xếp tổ chức và chức năng, nhiệm vụ (khi cần thiết).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 518/QĐ-SNN ngày 03/8/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm của Trung tâm Giống vật nuôi.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở; Giám đốc Trung tâm Giống vật nuôi; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Hiệp

PHỤ LỤC

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG ỨNG; BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC VÀ KHUNG NĂNG LỰC TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM GIỐNG VẬT NUÔI THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SNN ngày /4 /2024 của Sở Nông nghiệp và
PTNT Quảng Bình)

I. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Tổng số vị trí việc làm (viết tắt là VTVL): 24 vị trí (trong đó có một số VTVL kiêm nhiệm).

- Nhóm Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí;
- Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 05 vị trí;
- Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 12 vị trí;
- Nhóm Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

2. Sắp xếp thứ tự, mã VTVL

TT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
I	Nhóm Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý	04	
LĐ.01.01	Giám đốc Trung tâm thuộc Sở		
LĐ.02.02	Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Sở		
LĐ.03.03	Trưởng phòng và tương đương thuộc Trung tâm thuộc Sở		
LĐ.04.04	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trung tâm thuộc Sở		
II	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	05	
CN.01.05	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi hạng III	Hạng III	
CN.02.06	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV	Hạng IV	
CN.03.07	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng III	Hạng III	
CN.04.08	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng IV	Hạng IV	
CN.05.09	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Hạng III	
III	Nhóm Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	12 vị trí	
CM.01.10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)		

CM.02.11	Kế toán viên	Kế toán viên	
CM.03.12	Văn thư viên	Văn thư viên	
CM.04.13	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên	
CM.05.14	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV	
CM.06.15	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	
CM.07.16	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	
CM.08.17	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	
CM.09.18	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
CM.10.19	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
CM.11.20	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
CM.12.21	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	
IV	Nhóm Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ	03 vị trí	
PV.01.22	Nhân viên lái xe		
PV.02.23	Nhân viên bảo vệ		
PV.03.24	Nhân viên phục vụ		
	Tổng: (I+II+III+IV = 24 vị trí)		

II. BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC VÀ KHUNG NĂNG LỰC TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM: có 24 bản mô tả kèm theo.